

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 47/2024/DSST

Ngày: 22-3-2024

V/v: Tranh chấp

Hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Công Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Hoàng

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2023/TLST-DS ngày 02/11/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V; địa chỉ trụ sở: Tầng 2, số 81 đường C, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 103 đường B, Phường B, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà H Kiêm A, sinh năm 2000, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 609/2023/POA ngày 25/12/2023); địa chỉ thường trú: Buôn M, Cư G, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên lạc: 103 đường B, Phường B, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Hồng T, sinh năm 1984; địa chỉ: 73/8A đường V, Phường H, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 12/5/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V (viết tắt là VID) do bà H Kiêm A là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/08/2013, bà Lê Hồng T và Công ty TNHH MTV Tài chính P Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty tài chính TNHH MTV S Việt Nam, viết tắt là “SVFC”) có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10501104 với số tiền cho vay là 55.000.000 đồng; mục đích vay: Vay tiêu dùng; thời hạn vay: 48 tháng; lãi suất: 31,5%/năm; lãi phạt bằng 150% của lãi suất; nợ gốc và nợ lãi được trả thành 48 kỳ; phương thức vay: tín chấp và không có tài sản bảo đảm; ngày rút vốn là ngày 01/08/2013.

Tính đến ngày 01/9/2015, bà T đã thanh toán cho SVFC tổng số tiền là 53.291.000 đồng, trong đó nợ gốc là 21.419.900 đồng và nợ lãi là 31.871.100 đồng. Kể từ ngày 01/10/2015, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với SVFC.

Ngày 09/9/2022, SVFC ký Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với VID. Theo thỏa thuận, SVFC đã chuyển nhượng cho VID nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng số 10501104 ngày 01/08/2013 của bị đơn. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, VID có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật. Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2023, VID yêu cầu bà T phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho VID với tổng số tiền là 159.972.999đ (Một trăm năm mươi chín triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm chín mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc quá hạn là 33.580.100 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.053.600 đồng, lãi phạt chậm thanh toán là 115.339.299 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên và cả thời gian sau khi khoản nợ của bị đơn đã được chuyển nhượng sang VID, mặc dù VID đã thông báo, đôn đốc bà T trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo cam kết đã ký tại hợp đồng tín dụng, nhưng đến nay bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bà Lê Hồng T phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ tính đến ngày 22/3/2024 là 158.202.523 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là 33.580.100 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.392.508 đồng và nợ lãi quá hạn là 105.229.915 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra đề nghị bà T tiếp tục thanh toán lãi quá hạn với lãi suất 3.93%/tháng cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn bà Lê Hồng T vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do vậy, tại phiên tòa không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V buộc bà Lê Hồng T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V số tiền tính đến ngày 22/3/2024 là 158.202.523 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là 33.580.100 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.392.508 đồng và nợ lãi quá hạn là 105.229.915 đồng.

Bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Mức lãi suất quy định tại hợp đồng các bên đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V khởi kiện bà Lê Hồng T trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 10501104 ký ngày 01/08/2013 là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo hồ sơ vay của Hợp đồng tín dụng số 10501104 ký ngày 01/08/2013, bị đơn bà Lê Hồng T có Đơn xin xác nhận cư trú thể hiện bà T có địa chỉ thường trú tại 6/24A đường H, Phường Z, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và địa chỉ tạm trú là 73/8A đường V, Phường H, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tiến hành xác minh cư trú đối với hai địa chỉ trên. Theo Phiếu xác minh của Công an Phường 8, Quận 6 thể hiện bà Lê Hồng T không đăng ký thường trú, tạm trú và thực tế cư trú tại 73/8A đường V, Phường H, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Phiếu xác minh của Công an Phường 16, Quận 8 thể hiện bà Lê Hồng T có đăng ký thường trú tại 6/24A đường H nhưng thực tế cư trú tại 73/8A đường V, Phường H, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ của bà Lê Hồng T được xác định theo địa chỉ 73/8A đường V, Phường H, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân

sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Hồng T dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần thứ nhất vào ngày 23/02/2024 và lần thứ hai vào ngày 22/03/2024 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Lê Hồng T.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu trả nợ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa: Hội đồng xét thấy, ngày 01/8/2013, bà Lê Hồng T và Công ty TNHH MTV Tài chính P Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty tài chính TNHH MTV S Việt Nam) có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10501104 với số tiền cho vay: 55.000.000 đồng; mục đích vay: Vay tiêu dùng; Thời hạn vay: 48 tháng; lãi suất: 31,5%/năm; lãi phạt bằng 150% của lãi suất; nợ gốc và nợ lãi được trả thành 48 kỳ; phương thức vay: tín chấp và không có tài sản bảo đảm.

Xét, các bên tham gia ký kết hợp đồng đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015 nên Hợp đồng tín dụng số 10501104 ngày 01/8/2013 phát sinh hiệu lực pháp luật.

Sau khi ký kết, Công ty tài chính TNHH MTV S Việt Nam đã giải ngân cho bà Lê Hồng T theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cá nhân nêu trên (đã được bà T xác nhận trong giấy nhận nợ ngày 01/8/2013). Theo Hợp đồng, bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán hàng tháng số tiền là 2.028.600 đồng, tháng cuối là 2.033.100 trong kỳ hạn 48 tháng kể từ ngày 01/9/2013.

Ngày 09/9/2022, Công ty tài chính TNHH MTV S Việt Nam ký Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V. Theo thỏa thuận, Công ty tài chính TNHH MTV S Việt Nam đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng số 10501104 ngày 01/08/2013 của bà Lê Hồng T.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“Trong trường hợp khách hàng không trả nợ được đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác, thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng nhà nước”*.

Căn cứ khoản 1 Điều 14 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 quy định: “*Bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ được mua, bán của bên bán nợ kể từ thời điểm bên mua nợ nhận chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ từ bên bán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ*”.

Do vậy, nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V được kế thừa quyền, nghĩa vụ của Công ty tài chính TNHH MTV S Việt Nam khởi kiện thu hồi khoản nợ của bị đơn bà Lê Hồng T là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của Tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng*”.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện và Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ này đều có căn cứ để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Lê Hồng T nhưng bà T vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa nên căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 bà T đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Như vậy, bị đơn bà Lê Hồng T đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên phải chịu trách nhiệm dân sự đối với nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự.

Do đó, yêu cầu của Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V buộc bị đơn bà Lê Hồng T phải thanh toán toàn bộ khoản vay với tổng số tiền tính đến ngày 22/3/2024 là 158.202.523 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là 33.580.100 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.392.508 đồng và nợ lãi quá hạn là 105.229.915 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm: Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V yêu cầu bị đơn bà Lê Hồng T thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 23/3/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 10501104 ngày 01/8/2013.

Căn cứ mục 8.2 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 10501104 ngày 01/8/2013 về việc “*xử lý sự kiện vi phạm*” quy định: “*khi có bất kỳ sự kiện vi phạm nào theo Điều 8.1 xảy ra, bên cho vay có quyền, không ảnh hưởng đến bất cứ quyền cụ thể nào khác theo Hợp đồng hoặc bất cứ thỏa thuận nào khác, hủy bỏ khoản giải ngân và/hoặc tuyên bố toàn bộ dư nợ của khoản vay cùng với tất cả tiền lãi đã phát sinh và các khoản thanh toán khác phải trả theo Hợp đồng đến hạn phải trả ngay lập tức và yêu cầu bên vay thanh toán ngay toàn bộ số tiền đó*”.

Căn cứ khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng: “*Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.”

Do đó yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Lê Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu trả nợ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 10501104 ngày 01/8/2013 đã được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, khoản 1 Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V: Buộc bị đơn bà Lê Hồng T phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi với tổng số tiền tính đến ngày 22/3/2024 là 158.202.523 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là 33.580.100 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.392.508 đồng và nợ lãi quá hạn là 105.229.915 đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23/3/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, bà Lê Hồng T còn phải trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 10501104 ngày 01/8/2013. Trường hợp tại Hợp đồng tín dụng số 10501104 ngày 01/8/2013 có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của công ty cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Lê Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.910.126đ (bảy triệu chín trăm mười nghìn một trăm hai mươi sáu đồng) đối với yêu cầu trả nợ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 3593608 ngày 07/9/2022 đã được Tòa án chấp nhận;

3.2. Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.999.325đ (ba triệu chín trăm chín mươi chín nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0038522 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Công ty TNHH Mua bán nợ quốc tế V có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Lê Hồng T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ T HẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Công Hoa